

Bản án số: 150/2019/DS-ST
Ngày 12 - 11 - 2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản và bồi
thường thành quả lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Bà Trầg Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 349/2019/TLST–DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thành quả lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 460/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H , sinh năm 1974

Bà Nguyễn Thị K , sinh năm 1976

Cùng cư trú tại: ấp K, xã Quách B, huyện , tỉnh . (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn T , sinh năm 1952

Cư trú tại: ấp Xóm R , xã Quách B, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Hoàng U là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2019 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 11 tháng 9 năm 2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn H và Nguyễn Thị K trình bày:

Theo Bản án sơ thẩm số: 114/2018/DS-ST và Bản án phúc thẩm số: 114/2018/DS-ST của Tòa án tuyên cho ông T hưởng phần đất nền nhà. Do ông H và bà K bỏ công sức tu bổ nền nhà, nay ông H và bà K yêu cầu ông Thay bồi thường thành quả lao động số tiền 20.000.000 đồng. Cụ thể vào năm 2005 ông H , bà K có thuê xe cuốc san lấp mặt bằng, đổ đất bồi đắp nền nhà với độ sâu khoảng 2,5m, ngang 9m, dài 14,5m, tổng khoảng 2.500m³. Và ông bà đổ xi măng làm sân phơi tôm khô, xây dựng hai chuồng heo diện tích khoảng 21m².

Ngoài ra, ông bà yêu cầu ông T trả số tiền 19.000.000 đồng mà bà K đã trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đàm Dơi để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do trước đó cụ Lê Văn C (cha của ông bà) có vay vốn tại Ngân hàng nhưng không có tiền trả Ngân hàng, khi Ngân hàng đến đòi nợ ông H và bà K sống chung nhà với cụ C , nên bà K đứng ra trả số nợ Ngân hàng thay cho cụ C . Việc bà K trả cho Ngân hàng do nghĩ chồng bà là con út sống chung với gia đình sau này hưởng đất thì đứng ra trả chứ không ai yêu cầu trả thay. Nay đất thuộc về ông T , nên ông T phải trả lại cho ông bà số tiền mà ông bà đã xuất ra trả nợ cho Ngân hàng.

Theo bản án số 114/2018/DS-ST ngày 30/11/2018, Tòa án đã công nhận cho ông T phần đất 5 công. Phần đất này vào khoảng năm 2002, cha mẹ ông H , bà K là ông C và bà G cho vợ chồng ông bà thuê phần đất này từ năm 2002 đến năm 2010, giá thuê mỗi năm 2.000.000 đồng, sau khi thuê đất ông bà có thuê xáng cuốc vào cải tạo, múc, khoan kênh mương để nuôi tôm với số tiền 10.000.000 đồng. Nay, ông H và bà K yêu ông T trả lại cho ông bà thành quả lao động số tiền 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông bà yêu cầu ông T trả là 49.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết, xét xử ông Lê Văn T trình bày:

Năm 2004, ông H , bà K đang quản lý, sử dụng đất cùng cụ C và cụ G thì ông H và bà K có đắp đất phía sau nhà cho cao lên trên khu vực giếng và đĩa với chiều ngang 9m, dài khoảng 17m, số tiền ông H , bà K bồi đắp bao nhiêu ông T không biết. Phần nhà ông T đang sinh sống hiện nay có phần chuồng heo ông H đắp đất xây xi măng và phần đất trước đây anh em ông đắp đất chứ không phải ông H đắp. Ông H có xây hai chuồng heo và đổ đường đi bằng xi măng để đi ra chứ không phải tráng hết sân bằng xi măng.

Nay ông T xác định đất của ông được cha mẹ cho không liên quan đến phần ông Hội san lấp như nêu trên.

Phần cụ C vay Ngân hàng: Khoảng năm 2007-2008 ông T có nghe cụ Chính nói lại cụ C có vay tiền cho ông H, bà K làm ăn vì lúc này cụ C còn ở chung nhà với ông H , bà K . Giữa cụ C và bà K , ông H thỏa thuận như thế nào ông không biết.

Đối với phần đất 5 công ông H , bà K thuê của cụ C . Vào khoảng năm 2001, ông H và bà K có thuê phần vuông 5 công này của cụ C và cụ Gầm với giá 4.000.000 đồng/năm. Đến năm 2008, ông Hội và bà Kiều không trả tiền thuê đất cho cụ C và cụ G nên cụ C và cụ G họp gia đình cắt riêng cho ông H và bà K một phần đất riêng, cụ C và cụ G một phần đất riêng để canh tác. Trong thời gian thuê đất ông H và bà K có thuê xáng vào mức đất ban bờ địa, mức kênh mương để chuẩn bị làm vuông nuôi tôm, số tiền mức bao nhiêu và ai trả thì giữa cụ C và cụ G với ông H và bà K thỏa thuận như thế nào ông không biết.

Nay đối với yêu cầu của ông H , bà K ông T không đồng ý.

Ông Trần Hoàng U là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn xác định số tiền ông H , bà K yêu cầu ông T trả 10.000.000 đồng là không có căn cứ, bởi lẽ số tiền trên ông bà bỏ ra để cải tạo nuôi trồng thủy sản và ông bà được hưởng lợi tức trên phần đất đầu tư, ông T không được hưởng gì nên ông T không có trách nhiệm trả lại cho ông bà.

Đối với phần yêu cầu ông T trả số tiền vay Ngân hàng 19.000.000 đồng. Thấy rằng khi cụ C vay tiền năm 2009, đến năm 2010 bà K trả tiền Ngân hàng, nhưng tới nay mới yêu cầu trả. Khi cụ C còn sống ông bà không yêu cầu cụ C trả lại, trường hợp cụ C chết hiện cụ G vẫn còn sống thì trách nhiệm trả nợ nếu có thì phía ông bà phải khởi kiện cụ G . Theo lời trình bày của cụ G xác định cụ C vay tiền cho ông H kinh doanh nên ông H đã trả cho Ngân hàng. Do đó, ông bà yêu cầu ông T trả số tiền này là không đúng đối tượng khởi kiện.

Về yêu cầu trả tiền bồi đắp số tiền 20.000.000 đồng, theo cụ G xác định khu vực bồi đắp không có trong diện tích của ông T được hưởng. Do ông không đưa ra được căn cứ chứng minh nên nhà ông T , cụ G đang ở là do ông H , bà K bỏ tiền bồi đắp. Từ các phân tích trên, kiến nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 256, Điều 594, Điều 595, Điều 596 và khoản 3 Điều 707 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự.

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng tại Điều 48, khoản 2 Điều 97, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự cũng như việc chấp hành nội quy phiên tòa theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà K về việc buộc ông T bồi thường tiền thành quả lao động cho ông bà 20.000.000 đồng tiền san lấp mặt bằng trên đất thổ cư diện tích 254,6m²; 10.000.000 đồng tiền cải tạo vuông tôm; 19.000.000 đồng tiền cụ C vay Ngân hàng. Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Việc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn H trả cho ông bà số tiền san lấp mặt bằng, đổ đất bồi đắp nền là 20.000.000 đồng; số tiền ông bà trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đàm Dơi thay cho cụ C 19.000.000 đồng và tiền ông bà thuê xáng cuốc cải tạo, múc, khoan kênh mương để nuôi tôm 10.000.000 đồng, tổng các khoản là 49.000.000 đồng. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về giao dịch dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của ông H và bà K buộc ông T trả khoản tiền chi phí san lấp mặt bằng, đổ đất bồi đắp nền nhà, đổ xi măng làm sân phơi tôm khô và xây dựng hai chuồng heo 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc ông bà đổ đất, xây chuồng heo và làm nền xi măng phơi tôm khô để phục vụ cho việc sinh hoạt gia đình và kinh doanh của ông bà và hiện nay ông bà đã được phân chia phần diện tích đất ông bà đang quản lý sử dụng. Hơn nữa, theo lời trình bày của cụ G là mẹ ruột và người ở cùng ông bà vào thời điểm ông bà đầu tư trên đất thể hiện “... đối với phần đất nhà bà đang sinh sống mà theo bản án Tòa án tuyên cho Lê Văn T hưởng là do các con bà là Lê Thu Đ, Lê Văn K bỏ tiền ra xây cất, còn lại các anh em bỏ công sức ra xây cất cho bà và ông T ở để nuôi bà. Lúc xây nhà nền nhà thấp trũng nước, các con bà có bồi đắp nền để xây nhà chứ không phải H bỏ tiền ra thuê xáng đắp nền đất sẵn, vì trước khi bà xây nhà chỗ nhà có một cái chuồng heo hai ngăn của ông H xây, có lối ra bằng xi măng nhỏ nối với ngôi nhà Hội đang ở hiện nay, xung quanh chuồng heo đều là đất trũng nước. Đối với phần sân xi măng H xây để phơi tôm khô là trước và xung quanh nhà H chứ phần nhà Cụ và ông T ở không có trong nền xi măng H xây dựng...” (b1 57, 58). Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông bà.

[4] Xét yêu cầu của ông H và bà K buộc ông T trả số tiền 19.000.000 đồng bà K trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đàm Dơi thay cho ông C. Hội đồng xét xử nhận thấy, số tiền này ông T không có vay của Ngân hàng, việc bà K trả cho Ngân hàng là trả thay cho cụ C chứ không liên quan đến ông T. Hơn nữa, bà K xác định, bà trả cho Ngân hàng do nghĩ chồng bà là con út sống chung với gia đình sau này hưởng đất thì đứng ra trả chứ không ai yêu cầu trả thay và hiện nay ông bà được hưởng một phần di sản của cụ C để lại. Cũng như, theo lời trình bày của cụ G ngày 22/10/2019 thể hiện nội dung “...ông Chính có ký cho con trai là Lê Văn H vay tiền bao nhiêu bà không biết, mục đích ông C ký cho cho ông H vay tiền để cho ông H có vốn làm ăn kinh doanh tôm khô, thời điểm này bà vẫn còn ở chung với

ông H , sau này bà có nghe ông H trả tiền cho Ngân hàng xong...” (b1 58). Lời trình bày của cụ G phù hợp theo sổ vay vốn Ngân hàng ngày 31/8/2009. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H và bà K .

[6] Ngoài ra, ông bà yêu cầu ông T trả số tiền 10.000.000 đồng tiền ông bà thuê xáng cuộc cải tạo, múc, khoan kênh mương để nuôi tôm. Xét thấy, thời điểm này ông bà thuê đất của cụ C và cụ G để canh tác, khi canh tác ông bà có đầu tư số tiền 10.000.000 đồng để cải tạo cho việc sản xuất nuôi tôm làm kinh tế gia đình, chứ số tiền này cụ C , cụ G không yêu cầu ông bà đầu tư và ông T không hưởng lợi gì tại thời điểm ông bà sản xuất. Do đó, không có căn cứ chấp nhận cho yêu cầu của ông bà.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị K yêu cầu ông T trả tổng số tiền đầu tư cải tạo và tiền trả Ngân hàng là 49.000.000 đồng.

[7] Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T và bà K phải chịu số tiền là 2.450.000 đồng. (49.000.000 đồng x 5%)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị K về việc yêu cầu ông T trả tiền san lấp mặt bằng, đổ đất bồi đắp nền nhà 20.000.000 đồng; 10.000.000 đồng tiền cải tạo vuông tôm; 19.000.000 đồng tiền cụ C vay Ngân hàng, tổng cộng là 49.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp 1.275.000 đồng theo biên lai số 009806 ngày 23/8/2019 và biên lai số 009884 ngày

18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông H và bà K phải nộp tiếp 1.175.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông H, bà K và ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam

